

SỞ NỘI VỤ TỈNH TIỀN GIANG
TRUNG TÂM LƯU TRỮ LỊCH SỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTLTLS-BQ,PVKTSDDL

Tiền Giang, ngày tháng năm 2023

V/v thông báo nội dung tài liệu lưu trữ
đang được bảo quản tại Trung tâm
Lưu trữ lịch sử

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các doanh nghiệp thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Trung tâm Lưu trữ lịch sử là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nội vụ, có chức năng trực tiếp quản lý tài liệu lưu trữ lịch sử, tổ chức thu thập, chỉnh lý, bảo quản an toàn, tổ chức khai thác sử dụng có hiệu quả tài liệu lưu trữ và thực hiện các hoạt động dịch vụ lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, Trung tâm Lưu trữ lịch sử đang bảo quản 297 phong tài liệu, tổng số 831,6 mét giá, trong đó có rất nhiều phong tài liệu quan trọng như: Phong Tòa Hành chính tỉnh Định Tường, Ủy ban nhân dân Cách mạng tỉnh Mỹ Tho, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang, các sở, ban, ngành tỉnh, phòng, ban huyện. Bên cạnh đó, Trung tâm Lưu trữ lịch sử còn lưu giữ các hồ sơ, kỷ vật của các cán bộ đi B trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ.

Đây là những tài liệu có vị trí đặc biệt quan trọng trong thành phần Phong lưu trữ quốc gia Việt Nam, là nguồn sử liệu có giá trị, ý nghĩa hết sức quan trọng, phản ánh toàn diện, đầy đủ trên các mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Đa số tài liệu lưu trữ tại Trung tâm thuộc diện sử dụng rộng rãi và dễ dàng tiếp cận theo quy định. Những tài liệu này phục vụ cho công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống tại địa phương, nghiên cứu khoa học để làm luận văn, luận án, phục vụ các công trình nghiên cứu lịch sử, thực hiện chế độ chính sách đối với bản thân, gia đình hoặc thân nhân những người có công với đất nước.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác sử dụng tài liệu xin liên hệ với Trung tâm Lưu trữ lịch sử trực thuộc Sở Nội vụ. Địa chỉ: số 01

đường 6B Khu dân cư Hùng Vương, xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang; Điện thoại: 02733.871.525; Email: tttls@tiengiang.gov.vn.

(Đính kèm Danh mục các Thông tài liệu đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Báo Ấp Bắc;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Website Sở Nội vụ;
- LĐ Trung tâm;
- Lưu: VT, BQPVKTSDDL.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Mỹ Linh

DANH MỤC CÁC PHÒNG TÀI LIỆU
BẢO QUẢN TẠI LƯU TRỮ LỊCH SỬ TỈNH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Công văn số /TTLTLS-BQPVKTSDDL
 ngày tháng năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Lưu trữ lịch sử)

STT	TÊN PHÒNG TÀI LIỆU	THỜI GIAN TÀI LIỆU
	A. CẤP TỈNH	
	I. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN - ỦY BAN NHÂN DÂN	
01	Tòa Hành chính tỉnh Định Tường	1948 - 1975
02	Ủy ban nhân dân Cách mạng tỉnh Mỹ Tho	1946 - 1976
03	Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang	1976 - 2011
04	Tài liệu X2	1966 - 1981
05	Hội đồng nhân dân tỉnh	1976 - 1997
	II. SỞ, BAN, NGÀNH	
06	Sở Công nghiệp	1979 - 2008
07	Sở Xây dựng	1977 - 2004
08	Ban Tổ chức chính quyền tỉnh Tiền Giang	1976 - 2002
09	Sở Nội vụ	1978 - 2013
10	Sở Y tế	1976 - 2005
11	Ban Pháp chế	1977 - 1981
12	Sở Tư pháp	1982 - 2005
13	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1977 - 2006
14	Ty Giáo dục	1977 - 1982
15	Sở Giáo dục	1983 - 1991
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	1992 - 2006
17	Ban Quản lý Ruộng đất	1981 - 1994
18	Sở Địa chính	1994 - 2003
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	1981 - 2006
20	Ty Giao thông vận tải	1976 - 1983
21	Sở Giao thông vận tải	1984 - 2007
22	Ty Lâm nghiệp	1980 - 1983
23	Ty Thủy lợi	1976 - 1983
24	Sở Thủy lợi (Sở NN-PTNT)	1983 - 1996
25	Ty Thủy sản	1977 - 1982
26	Sở Thủy sản	1983 - 2008
27	Ty Lương thực	1976 - 1982
28	Sở Lương thực	1982 - 1986
29	Ty Nông nghiệp	1977 - 1981
30	Sở Nông nghiệp	1983 - 1987

STT	TÊN PHÒNG TÀI LIỆU	THỜI GIAN TÀI LIỆU
31	Sở Nông nghiệp và Lương thực	1987 - 1990
32	Sở Nông lâm Ngư nghiệp	1990 - 1996
33	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1996 - 2007
34	Ty Tài chính	1976 - 1982
35	Sở Tài chính	1983 - 1991
36	Sở Tài chính - Vật giá	1992 - 2003
37	Sở Tài chính	2004 - 2008
38	Ban Khoa học Kỹ thuật	1990 - 1993
39	Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường	1994 - 2003
40	Sở Khoa học và Công nghệ	2004 - 2008
41	Sở Bưu chính Viễn thông	2005 - 2008
42	Sở Thông tin và Truyền thông	2008
43	Ủy ban kế hoạch	1991 - 1995
44	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1991 - 2009
45	Ty Thương nghiệp (Sở Thương mại - Du lịch)	1976 - 2008
46	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	1987 - 2007
47	Công ty Thủy sản Tiền Giang	1977 - 2008
48	Công ty Liên hiệp Xuất nhập khẩu	1976 - 1996
49	Công ty Thương mại Dịch vụ & Xây dựng Gò Công	1983 - 2002
50	Kho bạc Nhà nước Tiền Giang	1990 - 2002
51	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	1992 - 2007
52	Ủy ban Thống nhất Chính phủ (Hồ sơ cán bộ đi B tỉnh Gò Công và Mỹ Tho)	1955 - 1975
53	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	1997 - 2006
54	Ban Tôn giáo	1990 - 2006
55	Thanh tra tỉnh	1991 - 2006
56	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Thương mại – Du lịch	2006 - 2009
57	Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch	2009 - 2011
58	Trung tâm Xúc tiến Thương mại	2009 - 2011
59	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Thương mại – Du lịch	2011 - 2016
60	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Tiền Giang	1977 - 2007
61	Chi cục Điều động lao động và dân cư	1983 - 1993
62	Chi cục Di dân Phát triển vùng kinh tế mới	1994 - 2005
63	Chi cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn	2005 - 2008
64	Ban chỉ đạo Quản lý thị trường	1992 - 1994
65	Chi cục Quản lý thị trường	1995 - 2008
66	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	1993 - 2008
67	Trung tâm Lưu trữ	2004 - 2010
68	Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh Tiền Giang	2004 - 2008

STT	TÊN PHÒNG TÀI LIỆU	THỜI GIAN TÀI LIỆU
69	Chi cục Thuế Công thương nghiệp tỉnh Tiền Giang	1981 - 1987
70	Cục Thuế tỉnh Tiền Giang	1991 - 2008
71	Chi cục Thú y Tiền Giang	1984 - 2009
72	Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản	1997 - 2005
73	Chi cục Quản lý nguồn lợi, chất lượng và Thú y thủy sản	2006 - 2007
74	Chi cục Thủy sản	2008 - 2009
75	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1985 - 2015
76	Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình:	1987 - 2001
77	Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc Trẻ em	1999 - 2001
78	Ủy ban Dân số Gia đình - Trẻ em	2001 - 2008
79	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	2008 - 2009
80	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.	2009 - 2017
81	Chi cục Bảo vệ Môi trường	2008 - 2019
82	Chi cục Kiểm lâm	2009 - 2017
83	Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội	2007 - 2015
84	Ban Quản lý Chương trình cấp nước sinh hoạt nông thôn.	1990 - 1998
85	Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.	1999 - 2007
86	Sở Thủy lợi (Chi cục Thủy lợi)	1990 - 1993
87	Chi cục Quản lý nước và Phòng chống lụt bão quản lý đề điều	1996 - 2002
88	Chi cục Thủy lợi	2003 - 2008
89	Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão	2009 - 2016
90	Bảo hiểm xã hội tỉnh	1997 - 2010
91	Ban Thi đua - Khen thưởng	1976 - 2010
92	Quỹ Đầu tư và Phát triển	2001 - 2015
93	Sở Ngoại vụ	2011 - 2019
94	Đài Phát thanh – Truyền hình	2000 - 2017
95	Điện lực Tiền Giang	1999 - 04/2010
96	Công ty điện lực Tiền Giang	05/2010 - 2011
	B. CẤP HUYỆN	
	I. HUYỆN CÁI BÈ	
97	Văn phòng HĐND & UBND huyện Cái Bè	1981 - 2006
98	Phòng Nội vụ huyện Cái Bè	1990 - 2006
99	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cái Bè	1984 - 2006
100	Chi cục Thuế huyện Cái Bè	1997 - 2007
101	Kho bạc nhà nước huyện Cái Bè	1990 - 2007
102	Phòng Y tế huyện Cái Bè.	2006 - 2011

STT	TÊN PHÒNG TÀI LIỆU	THỜI GIAN TÀI LIỆU
103	Ban Tài chánh - Giá cả huyện Cái Bè	1980 - 1983
104	Phòng Tài chánh huyện Cái Bè	1984 - 1994
105	Phòng Tài chánh - Kế hoạch huyện Cái Bè	1992 - 1995
106	Phòng Tài chánh - Vật giá huyện Cái Bè	1996 - 2001
107	Phòng Kế hoạch và Đầu tư huyện Cái Bè	1996 - 2002
108	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Cái Bè	2002 - 2009
109	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Cái Bè	2011 - 2018
110	Phòng Nông nghiệp	1992 - 1995
111	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1996 - 2003
112	Phòng Nông nghiệp Tài nguyên và Môi trường	2004
113	Phòng Nông nghiệp	2005 - 2007
114	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cái Bè	2008 - 2019
115	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Cái Bè	2000
116	Phòng Tổ chức Lao động huyện Cái Bè	2001 - 2005
117	Phòng Nội vụ - Lao động thương binh và xã hội huyện Cái Bè	2005 - 2007
118	Phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Cái Bè	2008 - 2020
	II. HUYỆN CAI LẬY	
119	Văn phòng HĐND và UBND huyện Cai Lậy	1977 - 2013
120	Phòng Giáo dục huyện Cai Lậy	1978
121	Ban Giáo dục huyện Cai Lậy	1978 - 1984
122	Phòng Giáo dục huyện Cai Lậy	1985 - 1993
123	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cai Lậy	1994 - 2005
124	Phòng Giáo dục huyện Cai Lậy	2006 - 2008
125	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cai Lậy	2009 - 2013
126	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	1996
127	Phòng Tổ chức - Lao động	2002 - 2004
128	Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh và Xã hội	04/2005 - 2007
129	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Cai Lậy	2008 - 2013
130	Ban Tổ chức Chính quyền	1987 - 1991
131	Phòng Tổ chức - Lao động Thương binh Xã hội	1993 - 1994
132	Phòng Tổ chức Chính quyền	1995 - 2001
133	Phòng Tổ chức - Lao động	2002 - 2004
134	Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh và Xã hội	2005 - 2007
135	Phòng Nội vụ huyện Cai Lậy	2008 - 2013
136	Phòng Tài chánh	1982 - 1991
137	Phòng Tài chánh - Kế hoạch	1992 - 2004
138	Phòng Kế hoạch và Đầu tư	1996 - 2002
139	Phòng Tài chính - Vật giá	1997 - 2002

STT	TÊN PHÒNG TÀI LIỆU	THỜI GIAN TÀI LIỆU
140	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Cai Lậy	2005 - 2014
141	Phòng Địa chính	1998 - 1999
142	Phòng Nông nghiệp	2003
143	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cai Lậy	2005 - 2013
144	Phòng Tư pháp huyện Cai Lậy	1993 - 2014
145	Phòng Văn hóa Thông tin và Thể thao	2004 - 2007
146	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Cai Lậy	2008 - 2013
147	Thanh tra huyện Cai Lậy	1991 - 2013
148	Phòng Nông nghiệp	2005 - 2008
149	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Cai Lậy	05/2008 - 2014
150	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cai Lậy	1979 - 2013
	III. HUYỆN CHÂU THÀNH	
151	Ủy ban nhân dân Cách mạng huyện Châu Thành	1975
152	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	1976 - 2009
153	Phòng Tổ chức - Lao động xã hội huyện Châu Thành	1994 - 1995
154	Phòng Tổ chức - Chính quyền huyện Châu Thành	1996 - 2002
155	Phòng Tổ chức - Lao động huyện Châu Thành	2003 - 2004
156	Phòng Nội vụ - Lao động TB & XH huyện Châu Thành	2005 - 2007
157	Phòng Nội vụ huyện Châu Thành	2008 - 2009
158	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Châu Thành	1981 - 2006
159	Kho bạc Nhà nước huyện Châu Thành	1990 - 2007
160	Chi cục Thuế huyện Châu Thành	1998 - 2007
161	Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao	2003 - 2007
162	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Châu Thành	2008 - 2019
163	Phòng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn huyện Châu Thành	2002 - 2003
164	Phòng Nông nghiệp - Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành	2004 - 2005
165	Phòng Nông nghiệp huyện Châu Thành	2005 - 2006
166	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Châu Thành	2006 - 2011
	IV. HUYỆN TÂN PHƯỚC	
167	Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước	1994 - 2008
168	Phòng Tổ chức - Lao động TB & XH huyện Tân Phước	1994 - 1995
169	Phòng Tổ chức Chính quyền huyện Tân Phước	1996 - 2001
170	Phòng Tổ chức - Lao động huyện Tân Phước	2002 - 2004
171	Phòng Nội vụ - Lao động TB & XH huyện Tân Phước	2005 - 2007
172	Phòng Nội vụ huyện Tân Phước	2008
173	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Phước	1994 - 2006

STT	TÊN PHÒNG TÀI LIỆU	THỜI GIAN TÀI LIỆU
174	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Tân Phước	1996 - 2007
175	Chi cục Thuế huyện Tân Phước	1999 - 2007
176	Phòng Địa chính huyện Tân Phước	1997 - 2003
177	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Phước	2005 - 2006
178	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Tân Phước	1995 - 2001
179	Phòng Tổ chức - Lao động huyện Tân Phước	2002 - 2004
180	Phòng Nội vụ - LĐTB và Xã hội huyện Tân Phước	2005 - 2006
181	Kho bạc Nhà nước huyện Tân Phước	1995 - 2007
182	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Tân Phước	2003 - 2011
183	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Phước	1996 - 2008
184	Phòng Y tế huyện Tân Phước	2005 - 2009
185	Thanh tra huyện Tân Phước	1994 - 2009
186	Phòng Tư pháp huyện Tân Phước	1999 - 2010
187	Bảo hiểm xã hội huyện Tân Phước	1995 - 2011
	V. THÀNH PHỐ MỸ THO	
188	Phòng Tổ chức Chính quyền thành phố Mỹ Tho	1976 - 1983
189	Ban Tổ chức Chính quyền thành phố Mỹ Tho	1984 - 1991
190	Phòng Tổ chức – Lao động Xã hội thành phố Mỹ Tho	1992 - 1994
191	Phòng Tổ chức Chính quyền thành phố Mỹ Tho	1995 - 2001
192	Phòng Tổ chức – Lao động thành phố Mỹ Tho	2002 - 2004
193	Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Mỹ Tho	2005 - 2007
194	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Mỹ Tho	2001 - 2007
195	Kho bạc Nhà nước thành phố Mỹ Tho	1990 - 2007
196	Ủy ban nhân dân thành phố Mỹ Tho	1976 - 2008
197	Phòng Thuế Công Thương nghiệp thành phố Mỹ Tho	1986 - 1989
198	Chi cục Thuế thành phố Mỹ Tho	1990 - 2007
199	Ban Tài chính thành phố Mỹ Tho	1985 - 1991
200	Phòng Tài chính - Kế hoạch - Thương nghiệp thành phố Mỹ Tho	1992 - 1995
201	Phòng Tài chính - Vật giá thành phố Mỹ Tho	1996 - 2002
202	Phòng Tài chính và Kế hoạch thành phố Mỹ Tho	2003 - 2018
203	Ban Quản lý Nhà đất và Công trình công cộng thành phố Mỹ Tho	1976 - 1985
204	Phòng Quản lý Nhà đất thành phố Mỹ Tho	1986- 1988
205	Phòng Giao thông Vận tải thành phố Mỹ Tho	1989 - 1990
206	Phòng Quản lý Đô thị thành phố Mỹ Tho	1993 - 2001
207	Phòng Quản lý Đô thị và Nhà đất thành phố Mỹ Tho	2002
208	Phòng Quản lý Đô thị - Địa chính và Môi trường thành phố Mỹ Tho	2002 - 2005

STT	TÊN PHÒNG TÀI LIỆU	THỜI GIAN TÀI LIỆU
209	Phòng Quản lý Đô thị thành phố Mỹ Tho	2005 - 2018
210	Ủy ban Thanh tra thành phố Mỹ Tho	1977 - 1991
211	Thanh tra thành phố Mỹ Tho	1992 - 2018
212	Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao	2007
213	Phòng Văn hóa - Thông tin thành phố Mỹ Tho	2008 - 2019
214	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	2001
215	Phòng Tổ chức - Lao động.	2002-12/2003
216	Phòng Tổ chức - Lao động Thương binh và Xã hội	2004
217	Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh và Xã hội	2005 - 2007
218	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Mỹ Tho.	2008 - 2010
219	Phòng tư pháp thành phố Mỹ Tho	2004 - 2021
	VI. HUYỆN CHỢ GẠO	
220	Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo	1984 - 2007
221	Phòng Tổ chức Chính quyền huyện Chợ Gạo	1994 - 2001
222	Phòng Tổ chức - Lao động huyện Chợ Gạo	2002 - 2004
223	Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh & Xã hội huyện Chợ Gạo	2005 - 2007
224	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Chợ Gạo	1993 - 2001
225	Phòng Tổ chức - Lao động huyện Chợ Gạo	2002 - 2004
226	Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh & Xã hội huyện Chợ Gạo	2005 - 2007
227	Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện Chợ Gạo	1990 - 2007
228	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Chợ Gạo	1980 - 2006
229	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Chợ Gạo	1996 - 2006
230	Kho bạc Nhà nước Chợ Gạo	1990 - 2008
231	Phòng Văn hóa Thông tin huyện Chợ Gạo	2007 - 2018
232	Phòng Y tế huyện Chợ Gạo	2007 - 2017
233	Phòng Giáo dục	1988 - 1997
234	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1998 - 2005
235	Phòng Giáo dục	2006 - 2007
236	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Chợ Gạo	2008 - 2010
237	Thanh tra huyện Chợ Gạo	1989 - 2017
	VII. HUYỆN GÒ CÔNG TÂY	
238	Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Tây	1977 - 2007
239	Phòng Nội vụ huyện Gò Công Tây	1980 - 2006
240	Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Gò Công Tây	1989 - 2006
241	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Gò Công Tây	1993 - 2007
242	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gò Công Tây	2005 - 2017

STT	TÊN PHÒNG TÀI LIỆU	THỜI GIAN TÀI LIỆU
243	Phòng Tư pháp huyện Gò Công Tây	1993 - 2018
244	Kho bạc Nhà nước Gò Công Tây	1997 - 2008
245	Chi cục Thuế huyện Gò Công Tây	1995 - 2008
246	Phòng Y tế huyện Gò Công Tây	2006 - 2009
247	Thanh tra huyện Gò Công Tây	1993 - 2010
248	Phòng Nông nghiệp - Thủy lợi huyện Gò Công Tây	1995 - 1996
249	Phòng Nông nghiệp huyện Gò Công Tây	1997 - 2007
250	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Gò Công Tây	2008 - 2015
	VIII. THỊ XÃ GÒ CÔNG	
251	Ủy ban nhân dân thị xã Gò Công	1987 - 2009
252	Phòng Quản lý Đô thị thị xã Gò Công	2001 - 2018
253	Phòng Kinh tế thị xã Gò Công	2003 - 2018
254	Chi cục Thuế thị xã Gò Công	1999 - 2008
255	Kho bạc Nhà nước Gò Công	1990 - 2008
256	Phòng Văn hóa - Thông tin	2001
257	Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao	2003 - 2007
258	Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã Gò Công	2008 - 2019
259	Phòng Tài chính	1988 - 1990
260	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1995
261	Phòng Tài chính - Vật giá	1997 - 2003
262	Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Gò Công	2004 - 2012
263	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thị xã Gò Công	1998 - 2001
264	Phòng Tổ chức Lao động thị xã Gò Công	2002 - 2004
265	Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh và Xã hội thị xã Gò Công	2005
266	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thị xã Gò Công	2008 - 2011
267	Phòng Tư pháp thị xã Gò Công	1997 - 2020
	IX. HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG	
268	Ủy ban nhân dân huyện Gò Công	1976 - 1979
269	Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông	1980 - 2008
270	Phòng Tổ chức Chính quyền huyện Gò Công Đông	1976 - 1977
271	Ban Tổ chức Chính quyền huyện Gò Công Đông	1987 - 1991
272	Phòng Tổ chức - Lao động Xã hội huyện Gò Công Đông	1992 - 1994
273	Phòng Tổ chức Chính quyền huyện Gò Công Đông	1995 - 2001
274	Phòng Tổ chức - Lao động huyện Gò Công Đông	2002 - 2004
275	Phòng Nội vụ - LĐTB & XH huyện Gò Công Đông	2005 - 2007
276	Phòng Nội vụ huyện Gò Công Đông	2008
277	Chi cục Thuế huyện Gò Công Đông	2007 - 2008
278	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Gò Công Đông	1989 - 2008

STT	TÊN PHÒNG TÀI LIỆU	THỜI GIAN TÀI LIỆU
279	Kho bạc Nhà nước Gò Công Đông	1992 - 2008
280	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Gò Công Đông	1992 - 2006
281	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Gò Công Đông	1988 - 2007
282	Phòng Địa chính huyện Gò Công Đông	1997 - 2002
283	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gò Công Đông	2005 - 2009
284	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Gò Công Đông	1991 - 2001
285	Phòng Tổ chức - Lao động huyện Gò Công Đông	2002 - 2004
286	Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh & Xã hội huyện Gò Công Đông	2005 - 2008
287	Phòng Lao động Thương binh & Xã hội huyện Gò Công Đông	2008 - 2017
288	Phòng Y tế huyện Gò Công Đông	2006 - 2010
289	Phòng Thủy sản	1999 - 2008
290	Phòng Nông nghiệp	2006 - 2007
291	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Gò Công Đông	2008 - 2018
292	Phòng Tư pháp huyện Gò Công Đông	2006 - 2017
	X. HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG	
293	Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú Đông	2008
294	Phòng Nội vụ huyện Tân Phú Đông	2008
295	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Phú Đông	2008
296	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Tân Phú Đông	2008 - 2016
297	Phòng Giáo dục – Đào tạo huyện Tân Phú Đông	2008 - 2017